TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-PT
Ngày: 15-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngọt

Ông Nguyễn Văn Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:*** Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐ-PT ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số 034, khóm T, phường K, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Hữu T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đỗ Hữu T: Ông Trần Việt K, sinh năm 1966; Địa chỉ: LK 02- 41 đường C3, khu dân cư Q, khóm M, phường N, thành phố A, tỉnh C (văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017 – vắng mặt).

2. Ông Trịnh Chính G, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thạc T, sinh năm 1991. (có mặt).

Địa chỉ: Số 034, khóm T, phường K, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo*:* Bị đơn bà Đỗ Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017, nguyên đơn ông Trần Đại H trình bày:*

Vào tháng 5/2014, hộ kinh doanh Tân Quang M do ông Trần Đại H làm chủ có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do công ty Việt H sản xuất và các loại thuốc thủy sản với bà Đỗ Hữu T, do thiếu hiểu biết về kiến thức pháp luật nên ông Trần Đại H đã để cho ông Nguyễn Thạc T là nhân viên của công ty Việt H, được cử đến làm nhân viên hỗ trợ thị trường cho ông đứng tên trong hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với bà Đỗ Hữu T. Bà T và chồng là ông Trịnh Chính G mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản về kinh doanh bán lại cho người khác.

Theo hợp đồng thì bên ông Trần Đại H bán thức ăn cho vợ chồng bà T theo đơn đặt hàng, hàng hóa được nhân viên giao hàng tận nơi cho vợ chồng bà T, đến cuối năm thì bên mua phải thanh toán hết công nợ cho bên bán và bên bán sẽ trừ chiết khấu cho bên mua 3.000 đồng/kg thức ăn. Sau khi ký hợp đồng hai bên bắt đầu giao dịch, ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng, cung cấp đầy đủ hàng khi phía bà T yêu cầu nhưng đến cuối năm 2014, vợ chồng bà T không thanh toán dứt điểm công nợ, số công nợ cuối năm 2014 còn thiếu là 701.366.000 đồng, (đã trừ số tiền 92.340.000 đồng tiền chiết khấu sản lượng năm 2014). Mặc dù bên bà T không thực hiện đúng hợp đồng nhưng sang năm 2015 vợ chồng bà T xin tiếp tục lấy hàng và hứa đầu năm 2015 thanh toán hết nợ. Bên ông Trần Đại H đã đồng ý cung cấp hàng tuy nhiên bên bà T và ông Trịnh Chính G không thực hiện đúng cam kết, số nợ vẫn còn nhiều mà không chịu trả tiền nên ngày 14/5/2015 ông Trần Đại H đã ngưng giao hàng. Tại thời điểm ngưng giao hàng ngày 14/5/2015, công nợ của vợ chồng bà T còn nợ là 593.401.000 đồng, hai bên đã ký kết công nợ, yêu cầu thanh toán hết nhưng bà Đỗ Hữu T và chồng là ông Trịnh Chính G không thanh toán hết. Từ khi ngưng giao hàng đến nay, bà T trả thêm cho ông Trần Đại H số tiền 198.500.000 đồng, số tiền này được chia nhỏ ra trả nhiều lần. Ông Trần Đại H nhiều lần liên hệ để yêu cầu thanh toán nhưng bà Đỗ Hữu T và chồng là ông Trịnh Chính G không chịu trả tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Đại H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu ông Trịnh Chính G cùng với bà Đỗ Hữu T trả số tiền nêu trên, lý do vì sơ suất trong các giao dịch mua bán, đối chiếu công nợ, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T ký tên mà không có ký tên ông Trịnh Chính G.

Nay ông Trần Đại H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Hữu T trả số tiền mua bán hàng hóa bà T còn nợ theo bảng đối chiếu công nợ ngày 03/11/2017 là 394.901.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng), yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Đỗ Hữu T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Trần Việt K trình bày:* Bà T thừa nhận là cá nhân bà có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nguyên đơn đúng như nguyên đơn trình bày, đến nay vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền 394.901.000 đồng, đây là nợ riêng của bà T. Mục đích bà T mua hàng hóa là thức ăn thủy sản của ông Trần Đại H để bán lại cho các hộ dân khác, nhưng do nhiều người

mua hàng của bà T hiện nay vẫn nợ tiền bà nhiều, nên bà T không có khả năng trả cho nguyên đơn một lần, yêu cầu được trả dần cho ông H, mỗi quý 20.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

** Tại Tờ tường trình ngày 12/12/2017 bị đơn ông Trịnh Chính G trình bày:* Từ trước đến nay ông Trịnh Chính G không có ký kết bất kỳ hợp đồng mua bán hàng hóa và cũng không nhận bất cứ hàng hóa nào với nguyên đơn, do đó ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông trả khoản nợ trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thạc T trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, ông là nhân viên của công ty sản xuất thức ăn thủy sản Việt H, được cử đến làm nhân viên hỗ trợ của ông Trần Đại H nên ông có đại diện cho ông H trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán thức ăn với bà Đỗ Hữu T ngày 19/5/2014. Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 03/11/2017 thì bà T có ký tên, bà T còn nợ lại ông H số tiền 394.901.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, giải quyết. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 28/3/2018 quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại; Căn cứ điểm b Điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H về việc yêu cầu ông Trịnh Chính G cùng với bà Đỗ Hữu T trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ là 394.901.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H.

Buộc bà Đỗ Hữu T trả cho ông Trần Đại H số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ là 394.901.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Hữu T chưa trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả cho ông H số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2018 bị đơn bà Đỗ Hữu T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sóc Trăng theo hướng cho bà được trả dần cho nguyên đơn với số tiền 25.000.000 đồng mỗi quý đến khi dứt số tiền nợ 394.901.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị

đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Hữu T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Trịnh Chính G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đỗ Hữu T là ông Trần Việt K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Hữu T xin được trả dần cho nguyên đơn với số tiền 25.000.000 đồng mỗi quý đến khi dứt số tiền nợ 394.901.000 đồng. Với lý do bà T cho rằng số nợ mà những người mua hàng của bà hiện còn nợ bà lớn hơn rất nhiều so với khoản tiền mà nguyên đơn khởi kiện bà, nhưng do họ nuôi tôm thua lỗ dẫn đến họ chưa có khả năng chi trả nợ cho bà. Hơn nữa hiện nay điều kiện, hoàn cảnh của bà khó khăn, không có khả năng trả số tiền trên một lần. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà T đã thừa nhận số tiền nợ là 394.901.000đ. Thời hạn thanh toán số tiền nợ giữa bà T và ông Trần Đại H đã quy định rõ trong hợp đồng, bà T với ông Trần Đại H không có thỏa thuận khác nên với các lý do kháng cáo xin được trả dần số nợ nêu trên của bà T là chưa có cơ sở. Mặt khác, đối với yêu cầu xin trả dần số tiền nợ theo hợp đồng mua bán trên của bà T thì nguyên đơn không đồng ý. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng án sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H buộc bà Đỗ Hữu T trả cho ông H số tiền mua bán thức ăn tôm còn nợ là 394.901.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Cho nên, toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Hữu T là không có cơ sở chấp nhận. Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của bà Đỗ Hữu T không được chấp nhận nên người kháng cáo bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Hữu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại; Căn cứ điểm b Điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H về việc yêu cầu ông Trịnh Chính G cùng với bà Đỗ Hữu T trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ là 394.901.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H.

Buộc bà Đỗ Hữu T trả cho ông Trần Đại H số tiền mua bán thức ăn thủy sản còn nợ là 394.901.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Hữu T chưa trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả cho ông H số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Đỗ Hữu T phải chịu 19.745.050 đồng (Mười chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm năm mươi đồng). Ông Trần Đại H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.872.525 đồng (Chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006521, ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Đỗ Hữu T phải chịu là 2.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009565 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí phúc thẩm.

3/. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Khánh Hùng

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND huyện Y;*
- *Chi cục THADS huyện Y;*
- *Lưu HSVA, TDS.*